

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày 10/01/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trúc

2. Ông Nguyễn Trung Dong

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch hội đồng thành viên

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H- Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh L

Địa chỉ: đường H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai

2. Bị đơn: Ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H

Cùng nơi ĐKKHKT: Tổ x, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Cùng nơi ở: Tổ y, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hộ gia đình ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H đã ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai để vay vốn như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai đã ký với ông Sầm Văn C hợp đồng tín dụng số: 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017. Tổng số tiền cho vay là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn); Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Hạn trả cuối cùng ngày 07/06/2022; Lãi suất cho vay áp dụng là: 12.5% năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Trả lãi tiền vay: Hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền ông Sầm Văn C đã nhận nợ là 220.000.000 đồng; Tính đến ngày 10/01/2020 ông Sầm Văn C đã trả được số tiền gốc là 47.671.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn phải trả là 172.329.000 đồng; nợ lãi phải trả là 34.362.992 đồng, trong đó số tiền lãi trong hạn là 31.653.486 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.709.506 đồng. Tổng số tiền còn phải trả nợ gốc, nợ lãi đến ngày 10/01/2020 là 206.691.992 đồng (Hai trăm linh sáu triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng).

Khoản vay thứ hai: Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai đã ký với ông Sầm Văn C hợp đồng tín dụng số: 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017. Tổng số tiền cho vay là 770.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí mua đất; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Hạn trả cuối cùng ngày 25/12/2027; Lãi suất cho vay áp dụng là 12.5% năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Trả lãi tiền vay: Hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền ông Sầm Văn C đã nhận nợ là 770.000.000 đồng; Tính đến ngày 10/01/2020 ông Sầm Văn C đã trả được số tiền gốc là 19.250.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn phải trả là 750.750.000 đồng; nợ lãi phải trả là 160.196.094 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 153.538.802 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.657.292 đồng. Tổng số tiền còn phải trả nợ gốc, nợ lãi đến ngày 10/01/2020 là 910.946.094 đồng (Chín trăm mười triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng).

Khoản vay thứ ba: Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai đã ký với ông Sầm Văn C hợp đồng tín dụng số: 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018. Tổng số tiền cho vay là 500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Xây nhà và mua đồ dùng gia đình; Thời hạn cho vay: 120 tháng; hạn trả cuối cùng ngày 25/01/2028; Lãi suất cho vay áp dụng là: 12.5% năm Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Trả lãi tiền vay: Hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền ông Sầm Văn C đã nhận nợ là 500.000.000 đồng; Tính đến ngày 10/01/2020 ông Sầm Văn C chưa trả được tiền gốc. Số tiền nợ gốc còn phải trả là 500.000.000 đồng; nợ lãi phải trả là 105.222.602 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 102.226.027 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.996.575 đồng. Tổng số tiền còn phải trả nợ gốc, nợ lãi đến ngày 10/01/2020 là 605.222.602 đồng (Sáu trăm linh năm triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm linh hai đồng).

Tính đến ngày 10/01/2019: Tổng số tiền ông Sầm Văn C đã nhận nợ theo các hợp đồng tín trên là: 1.490.000.000 đồng; Số nợ gốc các khoản vay trên đã trả được là: 66.921.000 đồng. Đến nay tổng số nợ gốc còn theo các hợp đồng tín dụng trên còn là: 1.423.079.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và tổng tiền lãi của các khoản vay tạm tính đến

ngày 10/01/2020 là 299.781.688 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 287.418.315 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.363.373 đồng.

Các hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm tiền vay bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2212/HĐTC ngày 22/12/2017 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 72,5m²; thuộc thửa số 509; tờ bản đồ số P3-27; vị trí đất tại tổ 12, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 915066 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2016 mang tên bà Vương Thị X (Chuyển nhượng cho ông Sầm Văn C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 theo hồ sơ số 000162 CN 002 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai chỉnh lý ngày 20/12/2017).

Đến nay toàn bộ các khoản vay trên đã quá hạn, hộ gia đình khách hàng Sầm Văn C đã vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng không thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi vay. Sau nhiều lần đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có các biên bản làm việc, thông báo xử lý tài sản bảo đảm nhưng khách hàng Sầm Văn C, Nguyễn Thị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai buộc ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tiền vay (kể cả lãi quá hạn) đến ngày 10/01/2020 cho Ngân hàng Ntheo các hợp đồng tín dụng đã nêu trên. Cụ thể như sau: Tiền gốc là 1.423.079.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 287.418.315 đồng; Tiền lãi quá hạn là 12.363.373 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.722.860.688 đồng (Một tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng). Trong trường hợp bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H nhưng ông C và bà H không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp C công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Ntổng số tiền gốc đã vay và tiền lãi tính đến ngày 10/01/2020 tổng cộng là 1.722.860.688 đồng (Một tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 1.423.079.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 287.418.315 đồng; Tiền lãi quá hạn là 12.363.373 đồng; Bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đúng quy định pháp luật; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H

vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 317, 320, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 1.722.860.688 đồng (Một tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.423.079.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 287.418.315 đồng; Tiền lãi quá hạn là 12.363.373 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai và ông Sầm Văn C.

Về thực hiện nghĩa vụ thế chấp: Trường hợp ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2212/HĐTC ngày 22/12/2017 giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai và ông Sầm Văn C, bà Nguyễn Thị H để thu hồi khoản nợ trên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí: Căn cứ vào Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Do nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.550.000 đồng nên không buộc bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Buộc bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay và tiền lãi theo các Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 đã ký kết giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai và ông Sầm Văn C, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ x, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai và nơi ở tại tổ y, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên tại hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017 các bên có thỏa thuận “...*Trường hợp không thể giải quyết tranh chấp bằng thương lượng hai bên sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền nơi bên A đóng trụ sở...*” và tại đơn khởi kiện

Ngân hàng lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết tranh chấp. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Sầm Văn C, bà Nguyễn Thị H là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 quy định vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được do một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Sầm Văn C, bà Nguyễn Thị H trả tiền nợ vay theo các hợp đồng tín dụng với tổng số tiền gốc là 1.423.079.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai với ông Sầm Văn C (Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Sầm Văn C). Vì vậy có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H đã xác lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Việc ký kết các hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai và ông Sầm Văn C với mục đích sửa chữa nhà ở, bù đắp chi phí mua đất, xây nhà và mua đồ dùng gia đình là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên tham gia giao kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có thẩm quyền giao kết hợp đồng, bà Nguyễn Thị H có văn bản ủy quyền cho ông Sầm Văn C thay mặt bà H xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai II; các bên cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận về các nội dung phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 117, 398, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy việc ký kết các Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về hợp đồng thế chấp: Các khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2212/HĐTC ngày 22/12/2017 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 72,5m²; thuộc thửa số 509; tờ bản đồ số P3-27; vị trí đất tại tổ 12, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 915066 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2016 mang tên bà Vương Thị X (Chuyển nhượng cho ông Sầm Văn C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 theo hồ sơ số 000162 CN 002 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai chỉnh lý ngày 20/12/2017). Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các bên đã thỏa thuận: “*Bên B tự nguyện đem tài sản nói tên (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó - nếu có) thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bên B tại các Hợp đồng cấp tín dụng đã ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan - nếu có)...*”. Quyền sử dụng đất trên là tài sản của ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H. Việc thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, các bên tham gia giao kết là người có quyền giao kết, cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng. Nội dung hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2212/HĐTC ngày 22/12/2017 giữa Ngân hàng và ông Sầm Văn C, bà Nguyễn Thị H là phù hợp, đúng theo quy định tại Điều 317, 318 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 hai bên ký kết quy định về trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền đã vay và các khoản phí, lãi và các chi phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ lịch sử giao dịch tiền vay, các biên bản làm việc giữa Ngân hàng và ông Sầm Văn C do Ngân hàng cung cấp thấy rằng ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H đã không thanh toán số tiền nợ đến hạn. Căn cứ quy định về việc trả nợ gốc, lãi tiền vay thể hiện trong Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 và quy định về xử lý nợ tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, do ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H không thanh toán số tiền gốc đã vay là vi phạm nghĩa vụ cam kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Do đó Ngân hàng có quyền chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn và thu hồi nợ.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C và bà H tuy nhiên ông C và bà H không đến tham gia phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông C và bà H phải chịu hậu quả của việc

không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định ông C và bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.423.079.000 đồng. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Xét thấy ông C và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát, buộc ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H trả số tiền gốc còn nợ là 1.423.079.000 đồng.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 10/01/2020 là 299.781.688 đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng), trong đó tiền lãi trong hạn là 287.418.315 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.363.373. Đối với tiền lãi, tại các hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận lãi suất cho vay áp dụng là: 12.5% năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi suất của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 10/01/2020 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 11/01/2020 cho đến khi ông C và bà H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018.

[5] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ vào khoản 6.4 Điều 6 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2212/HĐTC ngày 22/12/2017 giữa Ngân hàng với ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H quy định *“Nếu đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng bên B vi phạm thì ngân hàng sẽ đơn phương phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ”*. Trường hợp bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản bảo đảm của người thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, kể từ ngày giải ngân đến nay ông C và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng đất có diện tích 72,5m²; thuộc thửa số 509; tờ bản đồ số P3-27; vị trí đất tại tổ 12, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 915066 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2016 mang tên bà Vương Thị X (Chuyển nhượng cho ông Sầm Văn C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 theo hồ sơ số 000162 CN 002 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai chỉnh lý ngày 20/12/2017) để thu hồi nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:

Ngày 14/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Bát Xát đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp của ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2212/HĐTC ngày

22/12/2017. Nguyên đơn nhất trí với kết quả xem xét thẩm định, không có ý kiến gì. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định quyền sử dụng đất thế chấp có tổng diện tích đo đạc thực tế là 72,5m²; thuộc thửa số 509; tờ bản đồ số P3-27. Vị trí đất tại tổ 12, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Đất có tứ C như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 510 của ông Lê Khắc Bảo có chiều dài 18,1m; Phía Tây giáp thửa đất số 336 của ông Lý Văn Tiến có chiều dài 19,6m; Phía Nam giáp quốc lộ 4E (Cũ) có chiều dài 4m; Phía Bắc giáp công bê tông có chiều dài 4,25m. Diện tích đất qua xem xét thực tế có vị trí trùng khớp với diện tích đất đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 915066 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2016 mang tên bà Vương Thị X (Chuyển nhượng cho ông Sầm Văn C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 theo hồ sơ số 000162 CN 002 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai chỉnh lý ngày 20/12/2017) . Đất có vị trí, diện tích và tứ C không thay đổi so với bản đồ địa chính quản lý tại Ủy ban nhân dân phường Nam Cường, phù hợp với thông tin địa chính tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 915066, số vào sổ cấp GCN: CS02429 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2016. Tại thời điểm xem xét, thẩm định trên đất không có tài sản, công trình kiến trúc nào khác. Như vậy xác định quyền sử dụng đất qua xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích, vị trí, hiện trạng đúng như thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2212/HĐTC ngày 22/12/2017 giữa Ngân hàng và ông Sầm Văn C, bà Nguyễn Thị H.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu 5.550.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên không buộc ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nsố tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 10/01/2020 là tiền 1.722.860.688 đồng (Một tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.423.079.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn đồng); Tiền lãi trong hạn là 287.418.315 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm mười tám nghìn, ba trăm mười lăm đồng); Tiền lãi quá hạn là

12.363.373 đồng (Mười hai triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) theo các Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai và ông Sầm Văn C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/01/2020, ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201701150 ngày 07/06/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201702442 ngày 25/12/2017; Hợp đồng tín dụng số 8803LAV201800147 ngày 22/01/2018 giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai và ông Sầm Văn C cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về thực hiện nghĩa vụ thế chấp: Trường hợp ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có diện tích 72,5m²; thuộc thửa số 509; tờ bản đồ số P3-27; vị trí đất tại tổ 12, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 915066 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 07/9/2016 mang tên bà Vương Thị X (Chuyển nhượng cho ông Sầm Văn C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 theo hồ sơ số 000162 CN 002 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lào Cai chỉnh lý ngày 20/12/2017) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2212/HĐTC ngày 22/12/2017.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu 5.550.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền 5.550.000 đồng.

4. Về án phí: Ông Sầm Văn C và bà Nguyễn Thị H phải chịu 63.685.821 đồng (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N 30.100.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0003273 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thu Trang